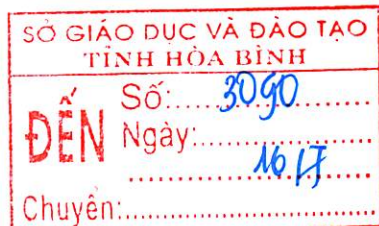


Số: 97/2018/NQ-HĐND

Hoà Bình, ngày 04 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Hoà Bình



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2016;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính Phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/T-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Xét Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân cấp quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hoà Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế -

ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Hoà Bình.

(Có quy định chi tiết kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh, vướng mắc Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 150/2010/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc quy định phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do địa phương quản lý.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình Khóa XVI, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 04 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 14 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (CT và các PCT);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐ Văn phòng HĐND tỉnh;
- TT tin học và Công báo VPUBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND (06).

CHỦ TỊCH



Trần Đăng Ninh

Hoà Bình, ngày 04 tháng 7 năm 2018

QUY ĐỊNH

Về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Hoà Bình
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND
ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hoà Bình.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (gọi tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

b) Đơn vị vũ trang nhân dân đóng trên địa bàn tỉnh đầu tư, mua sắm tài sản phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội do ngân sách địa phương đảm bảo.

c) Cơ quan hành chính của Đảng là Văn phòng Huyện ủy, Văn phòng Thành uỷ trong việc quản lý, sử dụng tài sản được nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư mua sắm từ ngân sách nhà nước.

d) Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 2. Nội dung phân cấp

1. Mua sắm tài sản công.

2. Thuê tài sản công.

3. Thu hồi tài sản công.

4. Điều chuyển tài sản công.

5. Bán tài sản công.

6. Thanh lý tài sản công.

7. Tiêu hủy tài sản công.
8. Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.
9. Phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án.
10. Quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản.
11. Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.
12. Thuê quản lý vận hành tài sản công.
13. Bảo dưỡng, sửa chữa tài sản tại cơ quan nhà nước.

Những nội dung khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công chưa quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các Nghị định của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và pháp luật có liên quan về quản lý và sử dụng tài sản công.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Đảm bảo mọi tài sản công đều phải được giao quyền quản lý, quyền sử dụng và các hình thức trao quyền khác cho cơ quan, tổ chức, đơn vị và đối tượng khác theo quy định.
2. Đảm bảo tài sản công do Nhà nước đầu tư phải được quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, được thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị.
3. Tài sản công là tài nguyên phải được kiểm kê, thống kê về hiện vật, ghi nhận thông tin phù hợp với tính chất, đặc điểm của tài sản; được quản lý, bảo vệ, khai thác theo quy hoạch, kế hoạch, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật.
4. Tài sản công phục vụ công tác quản lý, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm quốc phòng, an ninh của cơ quan, tổ chức, đơn vị phải được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, công năng, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức, chế độ theo quy định của pháp luật.
5. Việc khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công phải tuân theo cơ chế thị trường, có hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng pháp luật.
6. Việc quản lý, sử dụng tài sản công phải được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng; được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đối với các loại tài sản sau:

- Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất.
- Xe ô tô các loại và các phương tiện giao thông khác.
- Tài sản là máy móc, trang thiết bị và các tài sản khác có giá trị từ 05 tỷ đồng trở lên/1 đơn vị tài sản (hoặc gói mua sắm) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi tỉnh quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản cho các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp tỉnh quản lý (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này): Tài sản là máy móc, trang thiết bị và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng/1 đơn vị tài sản (hoặc gói mua sắm) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp tỉnh; từ 01 tỷ đồng đến dưới 5 tỷ đồng/1 đơn vị tài sản (hoặc gói mua sắm) của các cơ quan đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp huyện.

c) Đối với các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh:

- Giám đốc các Sở, thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương quyết định mua sắm tài sản khác có giá trị dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (hoặc gói mua sắm) của đơn vị mình và Quyết định mua sắm tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (hoặc gói mua sắm) của các đơn vị dự toán trực thuộc (trừ những tài sản quy định tại điểm a khoản này);

- Giám đốc, thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (hoặc gói mua sắm) tại đơn vị mình.

d) Đối với các huyện, thành phố:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định mua sắm tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng/1 đơn vị tài sản (hoặc gói mua sắm) của các đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp huyện (trừ những tài sản quy định tại điểm a khoản này);

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp huyện và tương đương (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn,...), quyết định mua sắm các tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (hoặc gói mua sắm) tại đơn vị mình.

đ) Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn vốn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

3. Nguồn kinh phí mua sắm: Từ nguồn được giao trong dự toán hàng năm và nguồn thu sự nghiệp trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức và chế độ do Nhà nước quy định.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Thẩm quyền thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi tỉnh quản lý (bao gồm cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã).

2. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản khác:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê máy móc, thiết bị và các loại tài sản, hàng hoá, dịch vụ khác có giá thuê từ 100 triệu đồng trở lên/1 năm.

b) Giám đốc các Sở, thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quyết định thuê tài sản có giá thuê dưới 100 triệu đồng/1 năm trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức và dự toán kinh phí đã được cơ quan có thẩm quyền giao.

c) Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê thực hiện theo quy định tại khoản 1 và điểm a, b khoản này.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô và phương tiện vận tải khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh.

b) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi tỉnh quản lý.

2. Giám đốc các Sở, thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương quyết định thu hồi tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng hoặc của các đơn vị dự toán trực thuộc.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản (trừ tài sản quy định tại Khoản 1, điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp huyện.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công đối với các loại tài sản sau:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô và phương tiện vận tải khác giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

b) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp tỉnh, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp tỉnh, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.

3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương quyết định điều chuyển tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, ô tô) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các xã, thị trấn; giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp huyện.

5. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập, không thực hiện điều chuyển đối với tài sản công đang trong thời hạn thực hiện cho thuê, liên doanh, liên kết đúng quy định của pháp luật.

Việc thực hiện điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải đảm bảo nguyên tắc: tài sản được điều chuyển từ nơi thừa sang nơi thiếu, theo tiêu chuẩn định mức và nâng cao hiệu quả sử dụng của tài sản.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đối với các loại tài sản sau:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất thuộc phạm vi cấp tỉnh.

b) Xe ô tô các loại và phương tiện giao thông khác giá trị còn lại từ 500 triệu đồng trở lên thuộc phạm vi tỉnh quản lý.

c) Tài sản là máy móc, trang thiết bị và các tài sản khác giá trị còn lại từ 05 tỷ đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi tỉnh quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán các loại tài sản khác (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thuộc phạm vi tỉnh quản lý.

3. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp bao gồm cả quyền sử dụng đất, ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của

các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp tỉnh, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.

4. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định bán tài sản nhà nước (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp bao gồm cả quyền sử dụng đất, ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý.

5. Riêng tài sản được hình thành từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý:

a) Nhà thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

b) Xe ô tô và phương tiện vận tải khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý:

a) Tài sản là nhà thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng/1 đơn vị tài sản.

b) Tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định thanh lý:

a) Tài sản là nhà thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản;

b) Tài sản khác (trừ những tài sản đã quy định tại khoản 1, khoản 2 điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể và UBND các huyện, thành phố quyết định thanh lý các loại tài sản (trừ những tài sản đã quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng/1 đơn vị tài sản được giao quản lý, sử dụng.

5. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý đối với những tài sản thuộc phạm vi quản lý (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp bao gồm: nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô và tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản).

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định tiêu hủy tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định tiêu hủy tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định tiêu hủy tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 50 triệu đồng/1 đơn vị tài sản được giao quản lý, sử dụng.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

a) Xử lý tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

b) Xe ô tô và phương tiện vận tải khác trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định:

a) Xử lý tài sản công là nhà thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

b) Các tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng /1 đơn vị tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định xử lý tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 điều này) trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định xử lý tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 điều này) trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của đơn vị mình được giao quản lý, sử dụng.

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan liên quan.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với những tài sản quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định 29/2018/NĐ-CP ngày 05/03/2018 của Chính phủ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với những tài sản quy định tại khoản 7 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ.

Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

a) Phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc tỉnh quyết định tịch thu.

b) Phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu đối với các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/03/2018 của Chính phủ.

c) Phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế, hàng hóa tồn

động đối với các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b, và d khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/03/2018 của Chính phủ.

d) Phê duyệt phương án xử lý tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định giải thể theo uỷ quyền.

đ) Phê duyệt phương án xử lý tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân.

e) Phê duyệt phương án xử lý tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời gian hoạt động do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân.

f) Phê duyệt phương án xử lý tài sản được đầu tư theo hình thức đối tác công tư được chuyển giao cho nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Trường hợp tài sản xử lý theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định ghi tăng vốn theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan là cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định thuê quản lý vận hành tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê quản lý vận hành trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp quyết định thuê quản lý vận hành tài sản của đơn vị mình được giao quản lý, sử dụng (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định thuê quản lý vận hành tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

Việc lựa chọn đơn vị có chức năng quản lý vận hành tài sản công quy định tại Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định bảo dưỡng, sửa chữa tài sản tại cơ quan nhà nước

1. Thẩm quyền quyết định bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

- Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất có giá trị dự toán sửa chữa tài sản từ 500 triệu đồng trở lên đối với các đơn vị dự toán cấp tỉnh và từ 01 tỷ đồng trở lên đối với các đơn vị dự toán cấp huyện;

- Đối với tài sản khác có giá trị dự toán sửa chữa từ 500 triệu đồng trở lên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

b) Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định bảo dưỡng, sửa chữa tài sản có dự toán sửa chữa tài sản từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản này) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định bảo dưỡng, sửa chữa tài sản có dự toán sửa chữa tài sản dưới 100 triệu đồng (trừ các tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản này) của đơn vị mình được giao quản lý, sử dụng./.

CHỦ TỊCH



Trần Đăng Ninh